**Tập viết**

**qu, ǟ, s, x**

**quả lê,** ǟ**ổ cá, sẻ, xe ca**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Tô, viết đúng các chữ qu, r, s, x, các tiếng quả lê, rổ cá, sẻ, xe ca - chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

- Bài học rèn cho học sinh tính kiên nhẫn, cẩn thận,có ý thức thẩm mĩ khi viết chữ.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy chiếu để minh họa quy trình viết các ng, ngh, p, ph và các tiếng ngà, nghé, pi a nô, phố cổ - chữ thường, cỡ vừa.

- Các chữ mẫu *qu, r, s, x,* đặt trong khung chữ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **3’** | **1.Mở đầu**  1. 1Trình chiếu phần Khởi động | Cả lớp hát bài |
| **2’** | **1.2.Giới thiệu bài**  GV nêu yêu cầu của tiết học |  |
| **30’** | **2. Luyện tập - Thực hành**  a)Gv viết trên bảng các chữ, tiếng: *qu, quả lê, r, rổ cá, s, sẻ, x, xe ca.*  b)Tập tô, tập viết: *qu, quả lê, r, rổ cá*  GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:  + Chữ *q:* viết chữ *q* cao 4 li, gồm 1 nét cong kín, 1 nét thẳng đứng. Cách viết: Đặt bút dưới ĐK 3 (trên) một chút, viết nét cong kín (như chữ o). Từ điểm dừng bút, lia bút lên ĐK 3 (trên) viết nét thẳng đứng, dừng ở ĐK 3 (dưới). Đặt bút trên nét 2 của *q,* gần ĐK 1 rồi viết tiếp *u* (cao 2 li, gồm 1 nét hất, 2 nét móc ngược), để khoảng cách giữa *q* và *u* không xa quá hoặc gần quá.  + Tiếng *quả-.* viết *qu* trước, *a* sau, dấu hỏi đặt trên *a.* / Làm tương tự với *lê.*  + Chữ r: cao hơn 2 li; gồm 3 nét: nét thẳng xiên, nét thắt và nét móc hai đầu. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 1, viết nét thẳng xiên, phía trên nối với nét thắt, tạo vòng xoắn nhỏ (cao hơn ĐK 3 một chút). Đưa bút tiếp sang phải nối liền nét móc hai đầu (đầu móc bên trái cao lên), dừng bút ở ĐK 2.  + Tiếng rổ: viết *r* trước, *ô* sau, dấu hỏi đặt trên *ô.* / Làm tương tự với tiếng *cá.*  c)Tập tô, tập viết: *s, sẻ, x, xe ca* (như mục b)  GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:  + Chữ s: cao hơn 2 li một chút; gồm 3 nét: nét thẳng xiên, nét thắt và nét cong phải. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 1, viết nét thẳng xiên, phía trên nối với nét thắt, tạo thành vòng xoắn (cao hơn ĐK 3 một chút). Đưa bút viết tiếp nét cong phải, dừng bút ở khoảng giữa ĐK 1 và ĐK 2 (gần nét thẳng xiên).  + Tiếng *sẻ,* viết *s*  trước, *e* sau, dấu hỏi đặt trên *e.*  + Chữ x: cao 2 li; gồm 1 nét cong phải, 1 nét cong trái. Cách viết: Đặt bút dưới ĐK 3 một chút, viết nét cong phải, dừng bút ở khoảng giữa ĐK 1 và ĐK 2. Từ điểm dừng, lia bút sang phải (dưới ĐK 3 một chút), viết tiếp nét cong trái cân đối với nét cong phải. Hai nét cong chạm lưng vào nhau.  + Tiếng *xe,* viết *x* trước, *e* sau. | HS đọc trên bảng các chữ, tiếng: *qu, quả lê, r, rổ cá, s, sẻ, x, xe ca.*  1 HS đọc các chữ, tiếng; nói cách viết, độ cao các con chữ.  Hs quan sát  - HS thực hành tô, viết: qu; quả lê  ǰǰǰǰǰǰ  qu quả lê  ǰǰǰǰǰǰ  - Hs quan sát  - HS thực hành tô, viết:r; rổ cá  ǰǰǰǰǰǰ  ǟ ǟổ cá  ǰǰǰǰǰǰ  - Hs quan sát  - HS thực hành tô, viết: s; sẻ  ǰǰǰǰǰǰ  s sẻ  ǰǰǰǰǰǰ  - Hs quan sát  - HS thực hành tô, viết x, xe s  ǰǰǰǰǰǰ  x xƗ  ǰǰǰǰǰǰ |
| **3’** | **3. Hoạt động vận dụng**  – Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành | Lắng nghe. |

IV.Điều chỉnh sau bài dạy